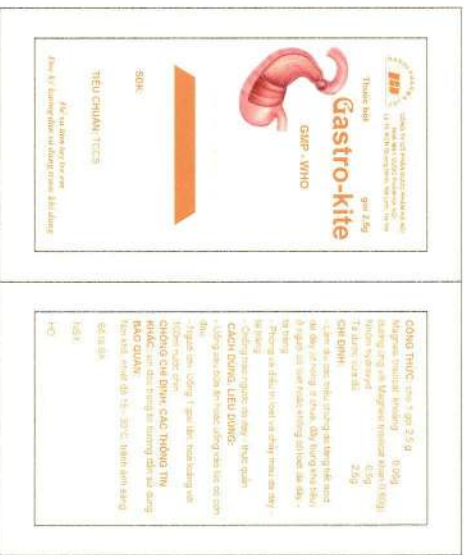


1. Nhãn hộp 30 gói:



MẪU NHÃN

2. Nhãn gói 2,5g:



CHỈ ĐỊNH:

- Làm dịu các triệu chứng do tăng tiết acid dạ dày (ợ nóng, ợ chua, đầy bụng khó tiêu) ở người có loét hoặc không có loét dạ dày - tá tràng
- Phòng và điều trị loét và chảy máu dạ dày - tá tràng
- Chống trào ngược dạ dày - thực quản

CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG:

- Uống sau bữa ăn hoặc uống vào lúc có cơn đau
- Người lớn: Uống 1 gói lần, hòa loãng với 100ml nước chín

CHÔNG CHỈ ĐỊNH, CÁC THÔNG TIN KHÁC: xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỐNG GIÁM ĐỐC
ĐS. Phạm Thị Thuần

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC



Thuốc bột

GASTRO-KITE

1. Công thức: Cho 1 gói 2,5 g

- Magnesi trisilicat khoảng 0,950 g
- (Tương đương với Magnesi trisilicat khan 0,60 g)
- Nhôm hydroxyd 0,50 g
- Tá dược: (Lactose, glucose, menthol) vừa đủ 2,5 g

2. Dạng bào chế: Thuốc bột

3. Chỉ định:

- Làm dịu các triệu chứng do tăng tiết acid dạ dày (ợ nóng, ợ chua, đầy bụng khó tiêu) ở người có loét hoặc không có loét dạ dày – tá tràng.
- Phòng và điều trị loét và chảy máu dạ dày – tá tràng.
- Chống trào ngược dạ dày – thực quản.

4. Cách dùng, liều dùng:

Uống sau bữa ăn hoặc uống vào lúc có cơn đau.
 Người lớn: Uống 1 gói/ lần, hoà loãng với 100 ml nước chín.

5. Chống chỉ định:

- Mẫn cảm với 1 trong các thành phần của thuốc.
- Người bị giảm phosphat máu.
- Trẻ nhỏ tuổi vì nguy cơ nhiễm độc nhôm, đặc biệt ở trẻ mất nước hoặc bị suy thận.

6. Tác dụng không mong muốn:

- Thường gặp: táo bón, chất miệng, cứng bụng, phân rắn, buồn nôn, nôn, phân trắng.
- Ít gặp: giảm phosphat máu.

Thông báo cho bác sĩ tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

7. Thận trọng:

- Dùng thận trọng với người có suy tim sung huyết, suy thận, phù, xơ gan và chế độ ăn ít natri và với người mới bị chảy máu đường tiêu hoá.
- Người cao tuổi, do bệnh tật hoặc do điều trị thuốc có thể bị táo bón và phân rắn.
- Kiểm tra định kỳ nồng độ phosphat trong quá trình điều trị lâu dài.

8. Tương tác với các loại thuốc khác, các dạng tương tác khác:

- Các thuốc bị giảm hấp thu ở đường tiêu hoá khi dùng đồng thời bằng đường uống: Thuốc kháng sinh (cycline, fluoroquinolone); thuốc chống lao (ethambutol, isoniazid, lincosanid), kháng histamin H₂, atenolol, metoprolol, propranolol; chloroquin, diflunisal; digoxin, diphosphonate, glucocorticoid (prednisolon, dexamethason), indometacin, ketoconazol, thuốc an thần kinh nhóm phenothiazin, penicilamin, muối sắt. Vì vậy cần uống các thuốc này cách xa thuốc kháng acid.
- Các thuốc tăng tác dụng do giảm thải trừ khi dùng cùng: amphetamin, quinidin.

9. Các đặc tính dược lực học:

Magnesi trisilicat, và nhôm hydroxyd là các thuốc kháng acid có tác dụng tại chỗ, do cation tạo phức hợp kiềm, không tan, không hấp thu được vào máu nên không gây được tác dụng toàn thân.

Magnesi trisilicat rất ít tan trong nước. ở dạ dày tác dụng nhanh với HCl, chuyển thành dạng muối clorid.

Nhôm hydroxyd là chất keo, có tác dụng trung hoà yếu nên không gây phản ứng tăng tiết acid hồi ứng. Nhôm hydroxyd tan chậm trong dạ dày và phản ứng với HCl dạ dày thành nhôm clorid và nước.

Do tác dụng của Magnesi trisilicat và Nhôm hydroxyd với acid hydrocloric ở dạ dày, pH của dạ dày có thể nâng lên gần 4 tạo điều kiện cho tái tạo niêm mạc. Khi pH dạ dày tăng sẽ ức chế tác dụng tiêu protid của pepsin, tác dụng này rất quan trọng ở người bệnh loét dạ dày.

Thuốc kháng acid chứa magnesi có tác dụng nhuận tràng, ngược lại thuốc chứa nhôm có thể gây táo bón. Vì vậy, thuốc kết hợp hai muối nhôm và magnesi có thể làm giảm tác dụng không mong muốn trên ruột.

10. Các đặc tính dược động học::

- Ở ruột non, Mg²⁺ tác dụng với các anion PO₄³⁻ và CO₃²⁻ tạo thành các muối ít tan hoặc không tan và được thải trừ qua phân.

- Khoảng 17-30% nhôm clorid tạo thành được hấp thu và thải trừ nhanh qua thận. Ở ruột non, nhôm clorid chuyển nhanh thành muối nhôm kiềm không tan, kém hấp thu. Nhôm có trong các thuốc kháng acid phối hợp với phosphat ăn vào và tạo thành nhôm phosphat không tan trong ruột và được thải trừ qua phân.

11. Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Sử dụng được cho phụ nữ có thai và cho con bú.

12. Sử dụng quá liều:

- Khi sử dụng kéo dài, với liều mạnh Nhôm hydroxyd có thể gây tiêu dịch phosphor biểu hiện: suy nhược, chán ăn, giảm phosphat – niêu – loãng xương.
- Hiếm khi bị sỏi thận do silicat (chỉ khi dùng Magnesi trisilicat nhiều năm).

13. Bảo quản: Để nơi khô, nhiệt độ 15 - 30°C, tránh ánh sáng.

14. Tiêu chuẩn áp dụng: TCCS

15. Đóng gói: Hộp 30 gói x gói 2,5 g.

16. Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
 ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
 NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SỸ



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI

Trụ sở chính:

170 đường La Thành - Đống Đa - Hà Nội
 Tel: 043.5116142 - Fax: 043.8511280

Cơ sở sản xuất:

NHÀ MÁY DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
 Lô 15, Khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội
 Tel: 043.5250738

Quan